

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT CÔNG TY CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Ths. Trần Quỳnh Anh
Đại học Luật Hà Nội

1. Khái quát pháp luật công ty của Cộng hoà Liên bang Đức (CHLB Đức)

Pháp luật công ty trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia đều được hiểu là bộ phận pháp luật điều chỉnh chủ thể pháp luật – công ty với năm đặc trưng cơ bản: có tư cách pháp nhân, có chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn (TNHH), có sự góp vốn của các đồng chủ sở hữu, phần vốn góp của các đồng chủ sở hữu được phép chuyển nhượng và có cơ cấu tổ chức chặt chẽ¹. Chế độ chịu TNHH được coi là một trong các đặc trưng cơ bản nhất của công ty, nhưng pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có CHLB Đức, vẫn thừa nhận mô hình công ty với chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên (công ty hợp danh). Pháp luật CHLB Đức có sự phân biệt rõ ràng công ty dân sự thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật dân sự (điển hình là công ty hợp danh dân sự) và công ty thương mại thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật thương mại. Các văn bản pháp luật quan trọng trong hệ thống pháp luật công ty của CHLB Đức gồm:

- Bộ luật Dân sự (Bürgerliches Gesetzbuch) năm 1896 (BLDS), có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 1990, sửa đổi năm 2002, chứa đựng các quy định về công ty hợp danh.

- Bộ luật Thương mại (Handelsgesetzbuch) năm 1897 (BLTM), có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 1990, sửa đổi năm 1998, điều chỉnh về công ty thương mại.

- Luật Công ty hợp danh chuyên nghiệp (Partnerschaftsgesellschaft) ban hành ngày 25 tháng 6 năm 1994, sửa đổi năm 1998, quy định về mô hình công ty hợp danh do những cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù như: luật sư, bác sỹ, kế toán, kiến trúc sư... thành lập (công ty hợp danh chuyên nghiệp).

- Luật Công ty cổ phần (Aktiengesetz) có hiệu lực ngày 06 tháng 9 năm 1965, quy định những vấn đề cơ bản về công ty cổ phần như: thành lập, tổ chức quản lý công ty cổ phần, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông...

- Luật Công ty TNHH (Gesetz betreffend Gesellschaft mit beschränkter Haftung) năm 1892, sửa đổi năm 1980, và Luật quy định Bổ sung về công ty TNHH (Gesetz zur Modernisierung des GmbH –

¹ Andreas Cahn & David C.Donald, *Comparative company law: text & cases on the laws governing corporations in Germany, the UK and the USA*, Cambridge University Press, 2010, page 9.

Rechts und zur Bekämpfung von Missbräuchen) năm 2008 quy định về công ty TNHH.

- Luật Tổ chức lại công ty (Umwandlungsgesetz) có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 1995, quy định về các hình thức tổ chức lại công ty như chia, tách, sáp nhập và chuyển đổi loại hình công ty.

- Luật Phá sản năm 1994 (Insolvenzordnung), quy định về phá sản công ty và thủ tục đơn giản hơn cho việc giảm vốn điều lệ của công ty TNHH².

- Luật Đồng quyết năm 1976 (Mitbestimmungsgesetz) và Luật về Sự tham gia của bên thứ ba năm 2004 (Drittelbeteiligungsgesetz), bổ sung nhiều quy định quan trọng về mô hình tổ chức quản lý của công ty cổ phần và công ty TNHH.

I. Mô hình công ty theo quy định của pháp luật CHLB Đức

1. Công ty hợp danh

1. Công ty hợp danh dân sự (Gesellschaft Bürgerlichen Rechts - BbR)

Công ty hợp danh dân sự là hình thức tiêu biểu của công ty hợp danh. Công ty hợp danh dân sự theo quy định của pháp luật CHLB Đức là tổ chức do hai hay nhiều chủ thể thiết lập trên cơ sở một thoả thuận hợp

tác để cùng thực hiện một hay nhiều mục đích dân sự. Công ty hợp danh dân sự chịu sự điều chỉnh của BLDS (từ Điều 705 đến Điều 740).

Công ty hợp danh dân sự không có tư cách pháp nhân và không phải đăng ký thành lập, nhưng theo quy định của pháp luật CHLB Đức, công ty hợp danh dân sự vẫn có thể là nguyên đơn hoặc bị đơn trong quan hệ tố tụng³.

Công ty hợp danh dân sự chỉ có một loại thành viên là thành viên hợp danh. Toàn bộ tài sản của công ty hợp danh dân sự thuộc về các thành viên của công ty và các thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty. Trách nhiệm vô hạn của thành viên công ty bắt đầu từ khi gia nhập công ty và kéo dài sau 5 năm từ khi việc chấm dứt tư cách thành viên công ty của thành viên đó được thông báo cho các chủ nợ (khoản 2 Điều 736 BLDS).

Việc quản lý công ty hợp danh dân sự do các thành viên cùng thực hiện. Mọi thành viên đều có quyền đại diện theo pháp luật cho công ty hợp danh, trừ trường hợp hợp đồng giữa các thành viên có quy định khác.

2. Công ty hợp danh thương mại (Offence Handelsgesellschaft - OHG)

² Meister/Heidenhain/Rosengarten, *The German Limited Liability Company*, Fritz Knapp Verlag GmbH (Frankfurt am Main), 2005, page 5.

³ Dieter Beinert, Frank Burmeister, Herman-Josef Tries; *Mergers and Acquisitions in Germany*, C.H.Beck München 2009, page 3.

Khác với công ty hợp danh dân sự, công ty hợp danh thương mại do hai hoặc nhiều chủ thể thành lập để thực hiện hoạt động kinh doanh và phải được đăng ký thành lập tại Phòng Đăng ký thương mại. Ngoài các quy định chung về công ty hợp danh trong BLDS, công ty hợp danh thương mại chịu sự điều chỉnh trực tiếp của quy định từ Điều 105 đến Điều 160 BLTM.

Theo quy định của BLTM, công ty hợp danh thương mại có thể tham gia các giao dịch với danh nghĩa của mình, có thể là nguyên đơn hoặc bị đơn trong quan hệ tố tụng.

Cũng như công ty hợp danh dân sự, công ty hợp danh thương mại chỉ có một loại thành viên. Các thành viên của công ty đều có quyền quản lý công ty và đại diện cho công ty trong quan hệ với các bên thứ ba, trừ trường hợp điều lệ công ty có quy định khác. Việc thành viên bị hạn chế quyền đại diện theo pháp luật cho công ty phải được ghi rõ trong đăng ký thành lập của công ty (Điều 106 và 107 BLTM).

Mỗi thành viên công ty hợp danh thương mại đều phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản đối với các khoản nợ của công ty từ khi gia nhập công ty và sau 5 năm từ khi rời khỏi công ty⁴. Là mô hình công ty đối nhân, sự ra đi của 1 thành viên có thể dẫn đến sự chấm dứt công ty công ty hợp danh thương mại (Điều 131 BLTM)

3. Công ty hợp vốn đơn giản hay công ty hợp danh hữu hạn (Kommanditgesellschaft - KG)

Công ty hợp vốn đơn giản được quy định tại Điều 161 đến Điều 177 BLTM, cũng là mô hình công ty hợp danh do hai hay nhiều chủ thể thành lập để thực hiện hoạt động kinh doanh. Nhưng công ty hợp vốn đơn giản có hai loại thành viên là thành viên hợp danh (bắt buộc phải có ít nhất một thành viên hợp danh) và thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh là người quản lý công ty và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản đối với các khoản nợ của công ty. Thành viên góp vốn không được quản lý công ty và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của họ tại công ty.

Theo quy định của BLTM, công ty hợp vốn đơn giản có tư cách pháp nhân và chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi đăng ký thành lập tại phòng đăng ký thương mại. Chế độ TNHH của thành viên góp vốn chỉ được công nhận sau khi hoàn tất việc đăng ký thành lập⁵. Điều đó có nghĩa là, nếu công ty tiến hành các hoạt động trước khi hoàn tất việc đăng ký thành lập thì mọi thành viên đã đồng ý thực hiện hoạt động đó đều phải chịu trách nhiệm với tư cách thành viên hợp danh. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, thành viên góp vốn chỉ được hưởng chế độ chịu TNHH sau khi đã hoàn tất việc góp vốn của mình. Những

⁴ Andreas Cahn & David C. Donald, sđd, page 29.

⁵ Nt, page 31.

thành viên góp vốn chưa góp đủ số vốn đã cam kết sẽ không có quyền hưởng chế độ chịu TNHH cũng như không có quyền yêu cầu chia lợi nhuận⁶.

4. Công ty hợp danh ẩn danh (*Stille Gesellschaft - SG*)

Công ty hợp danh ẩn danh được coi là một dạng của công ty hợp vốn đơn giản. Tuy nhiên, khác công ty hợp vốn đơn giản, công ty hợp danh ẩn danh có hai loại thành viên là thành viên hiện hữu và thành viên ẩn danh. Thành viên hiện hữu có các quyền và nghĩa vụ như thành viên hợp danh của công ty hợp vốn đơn giản (là người quản lý công ty, đại diện cho công ty trong các giao dịch với bên thứ ba và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của công ty). Thành viên ẩn danh chỉ thực hiện việc góp vốn vào công ty mà không được ghi tên trong danh sách thành viên công ty và không được quyền quản lý công ty⁷.

5. Công ty hợp danh chuyên nghiệp (*Partnerschaftsgesetz - PartG*)

Công ty hợp danh chuyên nghiệp có các đặc điểm chung của công ty hợp danh về tư cách chủ thể của công ty, chế độ chịu trách nhiệm vô hạn, quyền quản lý công ty của thành viên..., nhưng cũng có một số khác biệt cơ bản như: thành viên công ty hợp danh chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật

chỉ có thể là các cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực đặc biệt như pháp luật, khám chữa bệnh... Công ty hợp danh chuyên nghiệp không có tư cách pháp nhân nhưng phải được đăng ký thành lập tại một cơ quan đăng ký riêng với sự kiểm tra rất nghiêm ngặt⁸. Các thành viên công ty phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty nhưng chế độ trách nhiệm ở công ty hợp danh chuyên nghiệp được quy định gắn liền với hành vi mà thành viên đã thực hiện (Điều 8 Luật Công ty hợp danh chuyên nghiệp). Điều này có nghĩa là việc chịu trách nhiệm đối với hành vi gây thiệt hại của các thành viên là hoàn toàn độc lập, các thành viên không phải chịu trách nhiệm về hành vi của thành viên khác nếu họ không có liên quan đến việc thực hiện hành vi đó.⁹

6. Công ty hợp danh cổ phần (*Kommanditgesellschaft auf Aktien - KGaA*)

Công ty hợp danh cổ phần là mô hình kết hợp các đặc điểm của công ty cổ phần và công ty hợp vốn đơn giản, theo đó, ưu điểm nổi bật so với các công ty hợp danh khác là công ty hợp danh cổ phần được phép phát hành cổ phần để huy động vốn của công chúng theo các quy định của pháp luật chứng khoán. Công ty hợp danh cổ phần được điều

⁶ Nt, page 32.

⁷ Gerhard Robbers, *An introduction of German law*, Nomos verlagsgesellschaft, 2006, page 319.

⁸ Mads Andenas/Frank Wooldridge, *European comparative company law*, Cambridge university press, 2009, page 145.

⁹ Andreas Cahn & David C.Donald, sđd, page 28.

chính bởi quy định của Luật Công ty cổ phần (từ Điều 278 đến Điều 290).

Theo quy định của pháp luật, công ty hợp danh cổ phần có tư cách pháp nhân từ khi được đăng ký thành lập.

Công ty hợp danh cổ phần phải có ít nhất một thành viên hợp danh là người quản lý công ty và chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Ngoài thành viên hợp danh, công ty phải có ít nhất 1 cổ đông. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số cổ phần mà họ sở hữu. Các cổ đông này có quyền và nghĩa vụ tương tự như cổ đông công ty cổ phần là được hưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của công ty... Tuy vậy, họ không được quyền quản lý công ty.¹⁰

2. Công ty cổ phần (*Aktiengesellschaft* - AG)

Công ty cổ phần là mô hình công ty rất được ưa chuộng với những nhà đầu tư muốn huy động lượng vốn lớn trong kinh doanh. Công ty cổ phần theo quy định của Luật Công ty cổ phần là mô hình có các đặc trưng sau:

- Có tư cách pháp nhân sau khi được đăng ký kinh doanh, thể hiện ở các điểm sau: Công ty có tài sản riêng và phải tự chịu trách nhiệm về các khoản nợ bằng tài sản đó; Công ty có các quyền và nghĩa vụ độc lập

với thành viên công ty; và Công ty nhân danh chính mình khi tham gia các quan hệ pháp luật.

- Vốn điều lệ khi thành lập công ty cổ phần tối thiểu là 50.000 EUR và được chia thành các cổ phần có mệnh giá thấp nhất là 1 EUR (Điều 6 Luật Công ty cổ phần).

- Cổ đông của công ty cổ phần có thể là cá nhân hoặc tổ chức. Cổ đông chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần mà mình sở hữu.

- Cổ phần của công ty cổ phần được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng cổ phần của công ty có thể thực hiện dễ dàng trên thị trường chứng khoán.

- Công ty cổ phần được phát hành các loại cổ phần khác nhau để huy động vốn. Về nguyên tắc, mỗi loại cổ phần đều mang đến những quyền và nghĩa vụ như nhau cho các cổ đông sở hữu cổ phần đó. Cổ phần phổ thông là loại cổ phần cơ bản của mỗi công ty cổ phần. Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều loại cổ phần ưu đãi như: cổ phần ưu đãi không có quyền biểu quyết (Những cổ đông sở hữu cổ phần này không được quyền biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông nhưng được quyền hưởng cổ tức nhiều hơn so với các loại cổ phần khác), cổ phần hạn chế quyền biểu quyết (Số phiếu biểu quyết của cổ đông có thể bị giảm xuống so với tổng số cổ phần mà họ sở hữu. Ví dụ, theo

¹⁰ Dieter Beinert, Frank Burmeister, Herman-Josef Tries; *Mergers and Acquisitions in Germany*, C.H.Beck München 2009, page 15.

Điều 328 Luật Công ty cổ phần, nếu hai công ty cổ phần đồng thời sở hữu cổ phần của nhau và sở hữu nhiều hơn 25% số cổ phần thì khi biểu quyết các vấn đề quan trọng, số phiếu biểu quyết chỉ tương đương với 25% cổ phần, số cổ phần vượt quá được coi là không có quyền biểu quyết) và cổ phần ưu đãi biểu quyết (Cổ đông sở hữu cổ phần này có nhiều hơn 1 phiếu biểu quyết cho mỗi cổ phần mà họ sở hữu).

- Công ty cổ phần được quản lý bởi 3 cơ quan: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty cổ phần, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông được quyết định thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, theo đó, những vấn đề ít quan trọng được thông qua khi có trên 50% phiếu biểu quyết chấp thuận. Trong trường hợp thay đổi thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát phủ quyết quyết định của Hội đồng Quản trị, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có ít nhất 75% phiếu biểu quyết đồng ý. Đối với những quyết định quan trọng của công ty như thay đổi điều lệ, tăng vốn điều lệ..., quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có ít nhất 75% phiếu biểu quyết đồng ý. Sự khác biệt của trường hợp hai và trường hợp ba, đó là trong trường hợp ba, việc xác

định phiếu biểu quyết có sự loại trừ đối với cổ phần hạn chế biểu quyết¹¹.

Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý công ty cổ phần. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm quản lý công ty và đại diện cho công ty trong quan hệ với các bên thứ ba. Thành viên Hội đồng Quản trị do Ban Kiểm soát bầu (quyết định được thông qua khi có trên 50% phiếu biểu quyết đồng ý).

Ban Kiểm soát: Theo quy định của Luật Đồng quyết, nếu công ty có ít hơn 500 lao động thì không cần có đại diện của người lao động trong Ban Kiểm soát. Công ty cổ phần có từ 500 đến 2.000 lao động phải có một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát là đại diện của người lao động. Công ty có trên 2.000 lao động thì Ban Kiểm soát phải có một phần hai số thành viên là đại diện của người lao động¹².

3. Công ty TNHH (*Gesellschaft mit beschränkter Haftung - GmbH*)

Công ty TNHH là mô hình công ty do các nhà làm luật người Đức sáng tạo trên cơ sở kết hợp ưu điểm của mô hình công ty hợp danh và mô hình công ty cổ phần. Công ty TNHH theo quy định của pháp luật CHLB Đức có những đặc trưng sau:

¹¹ Johannes Adolff/Burkhardt Meister/ Charles Randell/Klaus-Dieter Stephan, *Public company Takeovers in Germany*, C.H.Beck München, 2002, page 31.

¹² Nt, page 13.

- Công ty có tư cách pháp nhân từ khi được đăng ký kinh doanh (Điều 13 Luật Công ty TNHH).

- Khác với thành viên hợp danh của công ty hợp danh, thành viên công ty TNHH chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình tại công ty.

- Phần vốn góp của các thành viên công ty TNHH có thể được chuyển nhượng. Nhưng khác với sự tự do chuyển nhượng ở công ty cổ phần, việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty TNHH phải được lập thành văn bản có công chứng. Và điều lệ của công ty có thể quy định các trường hợp hạn chế chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên.¹³

Khác với pháp luật Việt Nam, pháp luật CHLB Đức quy định công ty TNHH phải có tối thiểu 25.000 EUR khi đăng ký thành lập (Điều 5 Luật Công ty TNHH). Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư khi thành lập công ty TNHH tại Đức, đạo luật quy định bổ sung về công ty TNHH đã cho phép các nhà đầu tư có thể thành lập công ty TNHH có quy mô nhỏ (Unternehmergeellschaft (UG) – mini GmbH) với 1 EUR để khởi động cho hoạt động kinh doanh. Những công ty TNHH với quy mô nhỏ này không được coi là mô hình kinh doanh mới ở Đức mà chỉ là một dạng

đặc biệt của mô hình công ty TNHH. Khi những công ty TNHH này đạt đến mức vốn điều lệ là 25.000 EUR sẽ tự động chuyển thành công ty TNHH thông thường¹⁴.

Pháp luật Đức quy định hai mô hình tổ chức quản lý công ty TNHH: mô hình hai cấp quản lý và mô hình ba cấp quản lý. Đối với mô hình hai cấp quản lý: công ty TNHH được quản lý bởi Hội đồng Thành viên (hoặc chủ sở hữu đối với công ty TNHH một chủ) và giám đốc (hoặc Ban Giám đốc). Ở mô hình ba cấp quản lý: công ty TNHH được quản lý bởi Hội đồng Thành viên (hoặc chủ sở hữu đối với công ty TNHH một chủ), giám đốc (hoặc Ban Giám đốc) và Ban Kiểm soát.

- *Hội đồng Thành viên*: Là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của công ty TNHH, bao gồm tất cả các thành viên của công ty (kể cả những thành viên không có quyền biểu quyết). Hội đồng thành viên quyết định các vấn đề của công ty thông qua biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng Thành viên do giám đốc triệu tập. Hội đồng thành viên phải được họp ít nhất mỗi năm một lần (khi kết thúc năm tài chính của công ty), ngoài ra, có thể được họp để giải quyết những vấn đề quan trọng của công ty như: sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty, tăng, giảm vốn điều lệ, chấm dứt hoạt động của

¹³ Meister/Heidenhain/Rosengarten, sđd, 2005, page 2.

¹⁴ Klaus J.Müller, *The GmbH – A guide to the German Limited Liability Company* (2nd edition), Verlag C.H.Beck München, 2009, page 4.

công ty... (Điều 46 Luật Công ty TNHH năm 1892).

Đối với công ty TNHH một chủ thì chủ sở hữu là người quyết định cao nhất của công ty. Những quyết định của chủ sở hữu sau khi được đưa ra phải được lập thành văn bản có chữ ký của chủ sở hữu.

- *Giám đốc (hoặc Ban Giám đốc)*

Công ty TNHH có thể do một hoặc nhiều giám đốc (Ban Giám đốc) quản lý (Điều 6 Luật Công ty TNHH). Những công ty TNHH có trên hai nghìn lao động thì theo quy định tại Điều 33 của Luật Đồng quyết năm 1976, phải có ít nhất hai giám đốc¹⁵.

Giám đốc công ty TNHH bắt buộc phải là cá nhân có năng lực pháp luật đầy đủ, có thể là công dân Đức hoặc người nước ngoài. Những cá nhân đang hoặc đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được làm giám đốc công ty TNHH trong thời hạn 5 năm kể từ khi có bản án kết tội của toà án. Những cá nhân bị toà án hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấm hành nghề sẽ không được làm giám đốc của công ty TNHH hoạt động trong cùng ngành nghề bị cấm¹⁶.

Các giám đốc có trách nhiệm phối hợp để cùng điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và là người đại diện theo pháp luật

của công ty TNHH trong các giao dịch với bên thứ ba và trong các quan hệ tổ tụng. Việc phân chia quyền hạn và nhiệm vụ có thể giúp các giám đốc không phải chịu trách nhiệm liên đới về những hậu quả của hoạt động sai trái của người giám đốc khác, nhưng họ vẫn phải chịu trách nhiệm vì đã không thực hiện được nghĩa vụ giám sát với đồng nghiệp của mình. Trong một số trường hợp, thẩm quyền đại diện theo pháp luật của các giám đốc có thể bị hạn chế theo quy định của điều lệ công ty hoặc theo quyết định của Ban Kiểm soát của công ty TNHH¹⁷.

- *Ban Kiểm soát*: Có thể được thành lập theo ý chí của các thành viên khi thành lập công ty (Trong trường hợp này, số lượng thành viên, điều kiện trở thành thành viên Ban Kiểm soát do các thành viên công ty quyết định và được ghi nhận trong Điều lệ công ty) hoặc theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật Đồng quyết năm 1976, những công ty TNHH có trên hai nghìn lao động phải có Ban Kiểm soát (phải có đại diện Công đoàn hoặc đại diện người lao động tham gia Ban Kiểm soát). Đối với những công ty TNHH có trên năm trăm lao động nhưng có dưới hai nghìn lao động phải có Ban Kiểm soát theo quy định của Luật về sự Tham gia của bên thứ ba năm 2004. Tất cả những quy định về Ban Kiểm soát của Luật về sự Tham gia của bên thứ ba năm 2004 đều được áp dụng với Ban Kiểm soát

¹⁵ Klaus J.Müller, *The GmbH – A guide to the German Limited Liability Company (2nd edition)*, Verlag C.H.Beck München, 2009, page 32.

¹⁶ Nt, page 35.

¹⁷ Prof.Karel Van Hulle, Dr.Harald Gesel, *European Corporate Law*, Nomos, 2006, page 158.

của công ty TNHH có trên hai nghìn lao động. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa hai mô hình Ban Kiểm soát này là: chỉ Ban Kiểm soát ở công ty TNHH có trên hai nghìn lao động có quyền chỉ định và thay đổi giám đốc quản lý công ty. Ngoài ra, theo quy định của Luật về sự Tham gia của bên thứ ba năm 2004, số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có ít nhất là ba (trong đó, một phần ba số lượng thành viên phải là đại diện do người lao động bầu ra, các thành viên còn lại là đại diện của thành viên công ty, do thành viên công ty bầu trong cuộc họp Hội đồng Thành viên). Theo quy định của Luật Đồng quyết năm 1976: Ban Kiểm soát của công ty có từ trên hai nghìn lao động đến mười nghìn lao động có mười hai thành viên; Ban Kiểm soát của công ty có từ trên mười nghìn lao động đến hai mươi nghìn lao động có mười sáu thành viên; Ban Kiểm soát của công ty có trên hai mươi nghìn lao động có hai mươi thành viên¹⁸.

Theo quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát có quyền giám sát hoạt động quản lý công ty của giám đốc công ty, kiểm tra các báo cáo tài chính của công ty, chỉ định kiểm toán viên, triệu tập và tham gia cuộc họp Hội đồng Thành viên nếu xét thấy cần thiết,...

Ngoài các mô hình công ty theo quy định của pháp luật công ty của CHLB Đức, từ năm 2004, mô hình công ty công châu Âu (Europäische Gesellschaft, SE) theo quy định của Đạo luật về công ty của Liên minh Châu Âu¹⁹ và Chỉ thị bổ sung Đạo luật về Công ty của Liên minh Châu Âu²⁰ cũng có thể được thành lập và hoạt động kinh doanh tại CHLB Đức. Theo quy định của pháp luật Liên minh Châu Âu, các công ty công châu Âu phải được đăng ký thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước thành viên nơi công ty đó có trụ sở chính, nhưng tên của công ty đó phải kèm theo cụm từ “SE”. Tại CHLB Đức, các công ty công châu Âu được điều chỉnh như một công ty cổ phần bởi Luật Công ty cổ phần.²¹

Là quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển, các quy định của pháp luật công ty của CHLB Đức rất linh hoạt và chặt chẽ, không những bảo đảm nhu cầu quản lý nhà nước mà còn bảo vệ rất hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quá trình hoạt động của công ty cũng như sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

¹⁸ Klaus J.Müller, sdd page 65, 66.

¹⁹ Council Regulation No.2157/2001 on the European Company.

²⁰ Council Directive 2001/86/EC supplementing the Statute for the European Company with regard to the involvement of employees.

²¹ Dieter Beinert, Frank Burmeister, Herman-Josef Tries, sdd, page 15.